

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt hoặc phương pháp chấm điểm để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

Việc xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật dựa trên các nội dung quy định tại Chương V, thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP và các yêu cầu khác nêu trong E-HSMT. Căn cứ vào từng gói thầu cụ thể, khi lập E-HSMT phải cụ thể hóa các tiêu chí làm cơ sở để đánh giá về kỹ thuật bao gồm:

- Tính hợp lý và khả thi của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công;
- Tiến độ thi công;
- Cách thức quản lý dự án bao gồm: tổ chức quản lý dự án, tổ chức quản lý hiện trường; các biện pháp bảo đảm chất lượng; bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường và các điều kiện khác như phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động;
- Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì;
- Các yếu tố thân thiện môi trường (nếu có) gồm việc sử dụng các vật tư, vật liệu, biện pháp tổ chức thi công, dây chuyền, công nghệ thi công và các yếu tố khác (nếu có);
- Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP;
- Các yếu tố cần thiết khác;

Chủ đầu tư được yêu cầu về nhãn hiệu theo nhóm nhãn hiệu cho nguyên nhiên vật liệu, vật tư và các yếu tố đầu vào khác (đầu vào cho việc thi công theo quy định của pháp luật xây dựng các hạng mục công việc quy định trong hồ sơ mời thầu mà không phải là một hạng mục công việc của gói thầu). Nhà thầu được chào theo nhãn hiệu các nguyên nhiên vật liệu, vật tư và các yếu tố đầu vào khác theo quy định trong hồ sơ mời thầu hoặc nhãn hiệu khác có chất lượng tương đương hoặc tốt hơn.

Ví dụ: nhóm nhãn hiệu đối với xi măng: xi măng Nghi Sơn, Bỉm Sơn, Bút Sơn, Hà Tiên, Vicem Hoàng Mai. Nhà thầu được chào theo 1 hoặc một số nhãn hiệu trong các nhãn hiệu này hoặc được chào nhãn hiệu khác có chất lượng xi măng tương đương hoặc tốt hơn. Trừ trường hợp do tính chất của gói thầu mà E-HSMT yêu cầu nhà thầu phải thực hiện theo đúng biện pháp thi công nêu trong E-HSMT, E-HSMT cần quy định nhà thầu được đề xuất biện pháp thi công khác với biện pháp thi công nêu trong E-HSMT. Chủ đầu tư không được đưa yêu cầu về khả năng huy động nhân sự chủ chốt, thiết bị thi công chủ yếu trong yêu cầu về kỹ thuật nhằm loại bỏ nhà thầu.

1. Mức độ đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của vật liệu xây dựng và thiết bị:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
Đối với các loại vật tư, vật liệu chính : Xi măng, cát xây dựng, đá 1x2, đá 4x6, thép tròn, thép hình, gạch xây, gạch ốp lát, cửa khung nhôm các loại, cửa chống cháy, khung nhôm, tôn, trần, sơn các loại, chống thấm, dây điện, ống bảo hộ, phụ kiện và các thiết bị điện; ống nước, phụ kiện và thiết bị nước, thiết bị vệ sinh.	- Có bảng kê ghi rõ chủng loại, nguồn gốc, xuất xứ từng loại vật tư. - Có hợp đồng nguyên tắc với đơn vị cung cấp phù hợp với vật tư, vật liệu cho gói thầu.	Đạt
	Không đáp ứng yêu cầu trên.	Không đạt

2. Giải pháp kỹ thuật:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
2.1. Tổ chức mặt bằng công trường: lán trại, kho bãi tập kết vật liệu, chất thải, rào chắn an toàn và chống bụi, bố trí cổng ra vào, rào chắn công trình, biển báo, cấp nước, thoát nước, giao thông, .. trong quá trình thi công	- Có bản vẽ tổ chức mặt bằng - Có giải pháp tổ chức mặt bằng công trường chi tiết, khả thi phù hợp giữa công trình thi công và môi trường làm việc xung quanh.	Đạt
	Không đáp ứng yêu cầu trên	Không đạt
2.2. Thi công cho toàn bộ các công tác của gói thầu.	Có giải pháp kỹ thuật hợp lý, phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng.	Đạt
	Không đáp ứng yêu cầu trên.	Không đạt
Kết luận	Tiêu chuẩn chi tiết được xác định là đạt	Đạt
	Không thuộc các trường hợp nêu trên.	Không đạt

3. Biện pháp tổ chức thi công:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
Mô tả trình tự biện pháp, công nghệ thi công của từng hạng mục công trình: - Nhà thầu phải thuyết minh biện pháp thi công chi tiết đối	Có biện pháp tổ chức thi công hợp lý, đầy đủ theo yêu cầu. Các tiêu chuẩn, quy chuẩn và các quy định áp dụng trong biện pháp thi công phải phù hợp với quy định hiện hành.	Đạt

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
với từng hạng mục của công trình, nhất là những hạng mục có yêu cầu kỹ thuật chính xác. - Có sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý ở cơ quan và công trường, bố trí nhân lực trực tiếp thi công (bao gồm sơ đồ tổ chức + thuyết minh) - Thuyết minh biện pháp giám sát tổ chức thi công nội bộ của nhà thầu. - Thuyết minh biện pháp thi công trong thời tiết mưa, bão.	Không đáp ứng yêu cầu trên.	Không đạt

4. Tiến độ thi công:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
4.1. Thời gian thi công:	- Có đề xuất tổng tiến độ thi công hoàn thành công trình không vượt quá 360 ngày.	Đạt
	- Đề xuất về tổng tiến độ thi công vượt quá 360 ngày.	Không đạt
4.2. Tính phù hợp: a) Giữa huy động thiết bị và tiến độ thi công b) Giữa bố trí nhân lực và tiến độ thi công	Đề xuất đầy đủ, hợp lý, khả thi cho cả 2 nội dung a) và b).	Đạt
	Đề xuất không đủ 2 nội dung a) và b).	Không đạt
4.3. Biểu tiến độ thi công, biểu đồ nhân lực, biểu đồ thiết bị.	Có kèm biểu đồ thể hiện tiến độ thi công, nhân lực, thiết bị từng hạng mục công trình hợp lý, khả thi, phù hợp với biện pháp kỹ thuật thi công và tổng tiến độ hoàn thành công trình theo yêu cầu của HSMT.	Đạt
	Không đáp ứng yêu cầu trên	Không đạt
Kết luận	Cả 3 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.	Đạt
	Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	Không đạt

5. Biện pháp bảo đảm chất lượng:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
5.1. Biện pháp bảo đảm chất lượng trong thi công. Nêu các tiêu chuẩn, quy trình, quy phạm được áp dụng trong giải pháp kỹ thuật thi công. Có thuyết minh hợp lý về biện pháp bảo đảm chất lượng theo quy định về quản lý chất lượng thi công xây dựng công trình hiện hành.	Có biện pháp bảo đảm chất lượng hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công và quy định pháp luật hiện hành	Đạt
	Không có biện pháp bảo đảm chất lượng hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công và quy định pháp luật hiện hành	Không đạt
5.2. Biện pháp bảo đảm chất lượng nguyên liệu đầu vào để phục vụ công tác thi công.	Có biện pháp bảo đảm chất lượng hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.	Đạt
	Không có biện pháp bảo đảm chất lượng hoặc có biện pháp bảo đảm chất lượng nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công.	Không đạt
Kết luận	Cả 2 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.	Đạt
	Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	Không đạt

6. An toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
6.1. An toàn lao động		
Biện pháp an toàn lao động	Có biện an toàn lao động hợp lý, khả thi, chi tiết phù hợp với thực tế thi công tại công trình.	Đạt
	Không có biện pháp an toàn lao động hoặc có biện nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với thực tế thi công tại công trình.	Không đạt
6.2. Phòng cháy, chữa cháy		
Biện pháp phòng cháy, chữa cháy	Có biện phòng cháy, chữa cháy hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện	Đạt

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
	pháp tổ chức thi công	
	Không có biện pháp phòng cháy, chữa cháy hoặc có biện pháp phòng cháy, chữa cháy nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công và không có cam kết	Không đạt
6.3. Vệ sinh môi trường		
Biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường	- Có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công - Có biện pháp và cam kết giảm thiểu, bảo vệ môi trường : bao gồm các nội dung tiếng ồn, bụi và khói; kiểm soát đổ thải, vệ sinh trong quá trình thi công và đảm bảo đơn vị sử dụng vẫn làm việc được	Đạt
	Không đáp ứng yêu cầu trên	Không đạt
Kết luận	Cả 3 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.	Đạt
	Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	Không đạt

7. Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành và bảo trì :

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
7.1. Bảo hành	- Có đề xuất thời gian bảo hành lớn hơn hoặc bằng 24 tháng.	Đạt
	Không trình bày các nội dung trên hoặc có nhưng không đầy đủ về bảo hành.	Không đạt
7.2. Bảo trì	- Có đề xuất kế hoạch bảo trì theo quy định của Pháp luật về xây dựng.	Đạt
	Không trình bày các nội dung trên hoặc có nhưng không đầy đủ về bảo trì	Không đạt

8. Kết quả thực hiện hợp đồng trước đó của nhà thầu:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
Uy tín của nhà thầu thông qua việc thực hiện các hợp đồng tương tự trước đó trong vòng 2 năm trở lại đây tính đến thời điểm đóng thầu.	Nhà thầu phải có bản cam kết không vi phạm các điều khoản sau đây : - Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất khi được mời đối chiếu tài liệu; - Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối thương thảo hợp đồng (nếu có) hoặc đã tiến hành nhưng từ chối hoặc không ký kết biên bản thương thảo hợp đồng trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất khi được mời vào thương thảo hợp đồng, trừ trường hợp quy định tại khoản 7 Điều 45 của Nghị định này; - Nhà thầu được lựa chọn trúng thầu nhưng không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng, thỏa thuận khung hoặc không ký kết hợp đồng, thỏa thuận khung, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 34 của Nghị định này; - Nhà thầu đã ký thỏa thuận khung nhưng không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng hoặc không ký kết hợp đồng. - Nhà thầu rút hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất; - Nhà thầu không nộp bản gốc bảo đảm dự thầu theo yêu cầu của chủ đầu tư hoặc không nộp tiền mặt, séc bảo chi, thư bảo lãnh dự thầu hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh theo quy định của pháp luật về đấu thầu; - Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng; - Nhà thầu từ chối hoặc không xác nhận về việc chấp thuận được trao hợp đồng trong thời gian tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày chủ đầu tư mời nhà thầu xác nhận về việc chấp thuận được trao hợp đồng trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia hoặc đã trúng thầu nhưng không thực hiện	Đạt

	theo cam kết trong đơn dự thầu đối với chào giá trực tuyến rút gọn; - Có tên trên hệ thống đấu thầu Quốc gia bị cấm đấu thầu tại các địa phương trên phạm vi toàn quốc. - Có hợp đồng tương tự chậm tiến độ hoặc bỏ dở do lỗi của nhà thầu .	
	- Có hợp đồng tương tự chậm tiến độ hoặc bỏ dở do lỗi của nhà thầu hoặc có tên bị cấm trên hệ thống đấu thầu quốc gia hoặc không có bản cam kết.	Không đạt